

Bản án số: 662/2023/HC-PT

Ngày 08 tháng 8 năm 2023.

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 370/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2020/HC-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1978/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phan Thị H, sinh năm 1965 (đã chết) (Theo Trích lục khai tử số 151/TLKT-BS ngày 17/3/2022 của UBND xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương).

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- Ông Hồ Sỹ D, sinh năm 1986 (đã chết năm 2012);
- Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

- Ông Hồ Sỹ T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, ông T: Ông Phan Thanh N,

sinh năm 1980 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số A M, tổ I, khu phố E, phường T, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số A đường Đ, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn H2 – Phó Chủ tịch UBND thị xã B (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hồ Sỹ N1, sinh năm 1962 (đã chết) (Theo Trích lục khai tử số 26/TLKT ngày 30/7/2021 của UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1:

1.1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1935 (mẹ) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Quý D1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

1.2. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1973 (vợ) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1: Ông Nguyễn Quý D1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk 1.3. Cháu Hồ Thị Hoài T1, sinh năm 2010 (con);

1.3. Cháu Hồ Thị Hoài T1, sinh năm 2010 (con);

1.4. Cháu Hồ Sỹ Nhân Â, sinh năm 2008 (con);

1.5. Cháu Hồ Sỹ Nhân Á, sinh năm 2013 (con);

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của cháu T1, Â, Á: Bà Lê Thị C1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

1.6. Ông Hồ Sỹ D, sinh năm 1986 (đã chết năm 2012) (con);

1.7. Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1988 (con) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

1.8. Ông Hồ Sỹ T, sinh năm 1992 (con) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Hồ Sỹ T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – bà Phan Thị H trình bày:

Bà H và ông Hồ Sỹ N1 sống chung và đăng ký kết hôn năm 1985 tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh Sông Bé nay là Bình Dương. Năm 1986 gia đình bà H sang nhượng miếng đất rẫy với ông Hồ Văn T2 tổng diện tích 11.685m² bằng giấy tay có xác nhận của UBND xã A, huyện (nay là thị xã) B. Ngày 17/01/2000 hộ ông N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Q089367, số vào sổ 01340 QSDĐ/42/QĐ-UB diện tích 11.685m² bao gồm các thửa 155, 156, 161 tờ bản đồ số 14. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông N1 bao gồm bà Phan Thị H sinh năm 1965, ông Hồ Sỹ N1 sinh năm 1962, ông Hồ Sỹ D sinh năm 1986 (đã mất), bà Hồ Thị H1 sinh năm 1988, ông Hồ Sỹ T sinh năm 1992. Tháng 5 năm 2008 ông Hồ Sỹ N1 bỏ nhà đi nơi khác không rõ địa chỉ. Ngày 01/11/2012, theo yêu cầu của bà H, TAND huyện Bến Cát ra quyết định tuyên bố ông N1 mất tích. Năm 2013 bà H yêu cầu TAND thị xã Bến Cát giải quyết việc ly hôn giữa bà H với ông N1 và được TAND thị xã Bến Cát giải quyết tại Bản án số 07/2013/HNGĐ-ST. Đến ngày 04/9/2019 ông N1 trở về nhà và mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được điều chỉnh nội dung tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Hồ Sỹ N1 sang cá nhân ông N1. Đồng thời, ông N1 kéo theo một số người cho là chủ nợ nên đòi siết nhà đất của gia đình bà H. Gia đình bà H không biết vì sao mà ông N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ gia đình ông N1 sang cá nhân ông N1. Bà H khiếu nại nhưng UBND thị xã B trả lời không thỏa đáng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà H.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bình Dương giải quyết hủy GCNQSDĐ số Q089367, số vào sổ 01340 QSDĐ/42/QĐ-UB do UBND huyện B cấp ngày 07/01/2000 về phần điều chỉnh ngày 24/7/2019 từ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hồ Sỹ N1 thành cấp cho cá nhân ông Hồ Sỹ N1 và yêu cầu cấp mới GCNQSDĐ cho hộ ông Hồ Sỹ N1 đối với thửa đất số 155, 156, 161 tờ bản đồ số 14.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thị xã B trình bày:

Ngày 08/7/1986, ông Hồ Văn T2 có sang nhượng đất (bằng giấy tay) cho ông Hồ Sỹ N1 phần đất rẫy tổng diện tích khoảng 11.000m², đất tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 08/6/1998, ông Hồ Sỹ N1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 11.685m², nguồn gốc: Chuyển nhượng của ông Hồ Văn T2 năm 1986, đơn được UBND xã A xác nhận ngày 13/7/1998.

Ngày 17/01/2000, hộ ông Hồ Sỹ N1 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01340QSDĐ/42/QĐ-UB, các thửa đất số 155, 156, 161, tờ bản đồ 14 với diện tích 11.685m², nguồn gốc: Chuyển nhượng.

Ngày 30/5/2019, ông Hồ Sỹ N1, sinh năm 1962 có đơn gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã xin điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ sang cá nhân đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Q089367, số vào sổ 01340 do UBND huyện B (nay là thị xã) Bến Cát cấp ngày 17/01/2000, thửa đất số 155, 156, 161, tờ bản đồ 14 với diện tích 11.685m², đất tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương với nội dung: *“Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông Hồ Sỹ N1, nhưng thực tế phần đất này là tài sản riêng của tôi nên tôi gặp khó khăn trong việc làm thủ tục giấy tờ có liên quan và đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã xem xét, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ (ông, bà) sang đất của cá nhân”*.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ vụ việc có liên quan, ngày 21/6/2019 Chi nhánh Văn phòng Đ lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót, cụ thể:

Về nguồn gốc đất: Do ông Hồ Văn T2 chuyển nhượng cho cá nhân ông Hồ Sỹ N1 (bằng giấy tay).

Căn cứ vào nguồn gốc đất, việc ông Hồ Sỹ N1 đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách cá nhân là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 17/01/2000, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01340QSDĐ/42/QĐ-UB cho người sử dụng đất là hộ ông Hồ Sỹ N1 là có sai sót.

Nguyên nhân: Do sai sót khách quan trong việc in tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01340QSDĐ/42/QĐ-UB ngày 17/01/2000.

Ngày 04/7/2019, ông Hồ Sỹ N1 có đơn đăng ký biến động đất đai từ hộ ông Hồ Sỹ N1 thành cá nhân ông Hồ Sỹ N1 kèm theo biên bản về việc kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hồ Sỹ N1.

Ngày 24/7/2019, Chi nhánh Văn phòng Đ chỉnh lý trang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01340QSDĐ/42/QĐ-UB với nội dung: *“Nội dung tên chủ sử dụng đất Hộ ông: Hồ Sỹ N1 có sai sót được đính chính lại là ông Hồ Sỹ N1 theo biên bản làm việc, kết luận về nguyên nhân sai sót được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã lập ngày 21/6/2019, theo hồ sơ số: 016273.DR001”*, được Phó Chủ tịch UBND thị xã B ký xác nhận.

Nhận thấy nội dung yêu cầu của bà Phan Thị H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q089367, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01340 QSDĐ/42/QĐ-UB điều chỉnh ngày 24/7/2019 được cấp cho ông Hồ Sỹ N1 và buộc UBND thị xã B lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Sỹ N1 đối với các thửa đất số 155, 156, 161, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A là không có cơ sở. Trong quá trình thụ lý xét xử, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ kết quả xác minh, quá trình quản lý sử dụng đất thực tế và chứng cứ các bên đưa ra để giải quyết vụ việc theo quy định.

Về tài liệu, chứng cứ: Đơn xin điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ sang cá nhân ngày 30/5/2019 của ông Hồ Sỹ N1; Hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01340QSDĐ/42/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/01/2000 cho hộ ông Hồ Sỹ N1 tại thửa đất số 155, 156, 161, tờ bản đồ 14 với diện tích 11.685m², đất tọa lạc tại xã A; Biên bản làm việc ngày 21/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đ về kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hồ Sỹ N1; Đơn đăng ký biến động đất đai ngày 04/7/2019 của ông Hồ Sỹ N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hồ Sỹ N1 trình bày:

Ông N1 với bà Phan Thị H là vợ chồng kết hôn năm 1985 có đăng ký kết hôn. Đến năm 2008 mâu thuẫn với bà H nên ông N1 đến Đ sinh sống nhưng vẫn hay về ở chung với bà H. Việc bà H có làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N1 mất tích vào năm 2012 thì ông N1 không được biết. Sau đó, bà H làm thủ tục ly hôn với ông N1. Năm 2013, Tòa án án nhân huyện (nay là thị xã B) ra Bản án số 07/2013/HNGĐ-ST tuyên bố ông N1 với bà H ly hôn thì ông N1 cũng không biết. Năm 2016, ông N1 mới được biết mình bị tuyên bố mất tích nên đã lập thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát hủy quyết định tuyên bố mất tích. Cùng năm, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát ra quyết định hủy quyết định tuyên bố mất tích đối với ông N1. Còn việc ly hôn với bà H thì ông N1 đồng ý nên không có ý kiến. Ông N1 nhận chuyển nhượng đất từ ông Hồ Văn T2 vào năm 1986 bằng giấy tay. Việc ông N1 mua đất là từ tài sản của cá nhân ông N1. Năm 2000, ông N1 lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01340 QSDĐ/42/QĐ-UB ngày 17/01/2000 cấp cho hộ ông Hồ Sỹ N1. Khi được cấp GCNQSDĐ thì ông N1 không khiếu nại. Năm 2019, ông N1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát và Tòa án đã thụ lý. Sau đó, ông N1 lập thủ tục yêu cầu đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình thành tên cá nhân ông N1. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, ông N1 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hồ Sỹ H3 trình bày:

Phần đất nói trên là của gia đình chúng tôi. Gia đình chúng tôi không biết vì sao mà UBND thị xã B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ gia đình ông N1 sang cá nhân ông N1. Chúng tôi đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện nên các đương sự không thể đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hồ Sỹ T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà Hồ Sỹ H3.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2020/HC-ST ngày 16/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ khoản 2, điều 3; khoản 1, điều 30; khoản 4, điều 32; điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ điều khoản 01, điều 106 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với Ủy ban nhân dân thị xã B.*

Hủy phần điều chỉnh, đính chính ngày 24/07/2019 với nội dung tên chủ sử dụng đất Hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1 có sai sót được đính chính lại là ông Hồ Sỹ N1 theo biên bản làm việc, kết luận về nguyên nhân được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ lập ngày 21/06/2019, theo hồ sơ số: 016273DT001 trang 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ Niên ngày 17/01/2000 của Ủy ban nhân dân huyện B.

2. *Đình chỉ yêu cầu về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ Niên đối với thửa 155,156,161 tờ bản đồ 14 của bà Phan Thị H.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ N1 là ông Nguyễn Quý D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Phan Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quý D1 trình bày: Nguồn gốc đất do ông N1 mua trước thời kỳ hôn nhân với bà Phan Thị H. Sau khi mua đất, ông N1 canh tác, trồng cây trên đất, nên đây là tài sản riêng của ông N1. Trước khi kết hôn, ông N1 làm nghề nông nên mua đất để làm tư liệu sản xuất. Năm 1990, ông N1 làm nhà tạm trên đất, đến năm 1996 làm nhà xây và vợ chồng ông N1 ở trên đất. Năm 2000 UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N1 là không đúng quy định vì hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận đứng tên cá nhân ông N1, hồ sơ thuế cũng để tên một mình ông N1 nên ý chí của ông N1 là đứng tên một mình. Hơn nữa, sổ hộ khẩu gia đình ông N1 do bà H đứng tên chủ hộ chứ

không phải là ông N1. Trước đây ông N1 có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là do có một phần căn nhà xây trong thời kỳ hôn nhân với bà H nhưng đất vẫn là tài sản riêng của ông N1. Do là tài sản riêng của ông N1 nên việc điều chỉnh đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là sửa lỗi kỹ thuật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ông Phan Thanh N trình bày: Bà H và ông N1 sống chung và đăng ký kết hôn năm 1985 tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh Sông Bé nay là Bình Dương. Năm 1986, gia đình bà H sang nhượng miếng đất rẫy với ông Hồ Văn T2 tổng diện tích 11.685m² bằng giấy tay có xác nhận của UBND xã A, huyện (nay là thị xã) B. Đây là tài sản chung của hộ gia đình, không phải tài sản riêng của ông N1 nên việc UBND thị xã B điều chỉnh nội dung tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Hồ Sỹ N1 sang cá nhân ông N1 là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của bà Phan Thị H còn trong thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện từ việc hủy quyết định cá biệt (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số: Q089367, vào sổ số: 01340/QSDD/42/QĐ-UB điều chỉnh ngày 24/07/2019 cấp cho ông Hồ Sỹ N1

thành yêu cầu hủy phần đính chính điều chỉnh cho cá nhân ông Hồ Sỹ N1 là không vượt quá phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với việc xin rút yêu cầu cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H4 (ông, bà) Hồ Sỹ N1 thấy rằng: Việc xin rút yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của việc đính chính, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hồ Sỹ N1 của Ủy ban nhân dân thị xã B: Theo quy định tại khoản 1, Điều 106 Luật Đất đai thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm đính chính Giấy chứng nhận trong những trường hợp sau:

a. Có sai sót thông tin về tên gọi, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân, địa chỉ người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp giấy chứng nhận của người đó;

b. Có sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất ...

Như vậy, trong trường hợp này không phải có sai sót về tên gọi mà thay đổi chủ thể sử dụng đất và việc thay đổi chủ thể sử dụng đất được quy định tại điểm d, khoản 2, điều 106 Luật đất đai thuộc trường hợp nhà nước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc UBND thị xã B đính chính, điều chỉnh về chủ thể sử dụng đất là không phù hợp quy định của pháp luật về đất đai.

[2.2] Xét tính có căn cứ về nội dung điều chỉnh:

Ông N1 chung sống với bà H năm 1985 có các con là Hồ Sỹ D, sinh năm 1986 (Hiện ông D đã chết), Hồ Thị H1, sinh năm 1988 và Hồ Sỹ T, sinh năm 1992. Ngày 08/7/1986, ông N1 đứng tên sang nhượng đất rẫy của ông Hồ Văn T2. Đến 15/11/1986 đăng ký kết hôn với bà Phan Thị H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Năm 1998, ông N1 mới làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và ngày 17/01/2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1 được cấp trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N1 và bà H đang tồn tại. Do đó, có căn cứ xác định khu đất này không phải cấp riêng cho cá nhân ông Hồ Sỹ N1. Thực tế diện tích đất chuyển nhượng thì ông N1, bà H đã trực tiếp sử dụng, sau khi ông N1 đi nơi khác sinh sống thì bà H và các con chung của ông N1, bà H vẫn trực tiếp sử dụng đến nay. Ông N1 nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi là hộ và quản lý, sử dụng đất liên tục nhiều năm nhưng vẫn không có ý kiến phản đối.

Mặt khác, ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát thụ lý vụ án tranh chấp tài sản sau ly hôn do ông Hồ Sỹ N1 là nguyên đơn khởi kiện tranh chấp trong đó có tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ (ông,

bà) Hồ Sỹ N1. Khi Tòa án B đang giải quyết vụ án thì ngày 30/05/2019 ông N1 yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ việc cấp cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1 sang cấp cho cá nhân ông Hồ Sỹ N1. Ngày 24/07/2019, hồ sơ xin đính chính của ông N1 được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ, chỉnh lý trang 03 GCNQSDĐ 01340QSDĐ/42/QĐ-UB với nội dung tên chủ sử dụng đất hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1 có sai sót được đính chính lại là ông Hồ Sỹ N1 theo biên bản làm việc, kết luận về nguyên nhân sai sót được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B lập ngày 31/06/2019. Như vậy, việc thực hiện cập nhật, đính chính của Ủy ban nhân dân thị xã B đối với tài sản tranh chấp và đang trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là trái với quy định tại khoản 7,8 Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ trong vụ án và xét xử đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Sỹ N1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện là bà Phan Thị H không phải chịu. Ủy ban nhân dân thị xã B phải chịu.

[4.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Sỹ N1 (nay có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Hoàng Thị C, bà Lê Thị C1, bà Hồ Thị H1, ông Hồ Sỹ T) phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điều khoản 01, điều 106 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Hồ Sỹ N1 (nay có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Hoàng Thị C, bà Lê Thị C1, cháu Hồ Thị Hoài T1, cháu Hồ Sỹ Nhân Ấ, cháu Hồ Sỹ Nhân Á, bà Hồ Thị H1, ông Hồ Sỹ T). Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2020/HC-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với Ủy ban nhân dân thị xã B.

Hủy phần điều chỉnh, đính chính ngày 24/07/2019 với nội dung tên chủ sử dụng đất Hộ (ông, bà) Hồ Sỹ N1 có sai sót được đính chính lại là ông Hồ Sỹ N1 theo biên bản làm việc, kết luận về nguyên nhân được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ lập ngày 21/06/2019, theo hồ sơ số: 016273DT001 trang 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ Niên ngày 17/01/2000 của Ủy ban nhân dân huyện B.

3. Đình chỉ yêu cầu về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ (ông, bà) Hồ Sỹ Niên đối với thửa 155,156,161 tờ bản đồ 14 của bà Phan Thị H.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện là bà Phan Thị H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Phan Thị H 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044596 ngày 02/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân thị xã B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

4.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hồ Sỹ N1 (nay có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Hoàng Thị C, bà Lê Thị C1, cháu Hồ Thị Hoài T1, cháu Hồ Sỹ Nhân Â, cháu Hồ Sỹ Nhân Á, bà Hồ Thị H1, ông Hồ Sỹ T) phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044895 ngày 01/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Dương; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Huynh